

Số: 49/2025/QĐST-HNGĐ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Văn Tuyền
- Bà Phan Thị Dòn

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235, 246 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 116, 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 8 Điều 26, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 295/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1982;

Số CCCD: *** ngày cấp 08/7/2022 tại cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ hiện tại: Ấp * (Tổ 5, Ấp * cũ), xã V, Thành phố H.

HKTT: Thôn P, xã H, thành phố Đ.

- Bị đơn: Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1978;

Số CCCD: *** ngày cấp 08/7/2022 tại cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Ấp * (Tổ 5, Ấp * cũ), xã V, Thành phố H.

HKTT: Thôn P, xã H, thành phố Đ.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn T thuận tình ly hôn với nhau.

Giấy chứng nhận kết hôn số 53, đăng ký ngày 12 tháng 6 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, thành phố Đ không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn T cùng xác nhận có 02 (hai) con chung tên là trẻ Trần Văn H (giới tính: Nam), sinh ngày: 10/11/2007 và trẻ Trần Thị Hoàng A (giới tính: Nữ), sinh ngày: 14/12/2015. Khi ly hôn, bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn T cùng thống nhất giao trẻ Trần Văn H và trẻ Trần Thị Hoàng A cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con chung đối với trẻ Trần Văn H là 3.000.000 đồng/tháng, đối với trẻ Trần Thị Hoàng A là 4.000.000 đồng/tháng. Tổng cộng 7.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 11 tây hàng tháng. Bắt đầu thực hiện từ ngày 11/7/2025.

Trường hợp ông Trần Văn T không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận thì bà Nguyễn Thị T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành việc ông Trần Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Kể từ khi bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trần Văn T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì ông Trần Văn T phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn T đều xác nhận không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và tự nguyện chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà bà Nguyễn Thị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BLTU/24P/0052255 ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị T phải nộp thêm số tiền án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 10 –Tp HCM;
- Chi cục THADS Tp. HCM;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Huyền